TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Hà Hùng Kiệt.
2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/5/2019 và 27/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984 (có mặt).
Địa chỉ: Xóm 1, thôn V, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Vào năm 2011 bà Y và ông Trần Quốc T quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01 ngày 05/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng đi tỉnh Bình Dương sinh sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông T bỏ bê công việc, vợ chồng bà đã không còn chung sống từ tháng 4/2012 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà Y yêu cầu được ly hôn.

Thời gian chung sống bà Y và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Quốc T, nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình

bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Y, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trần Quốc T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Quốc T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, nhận thấy bà Y và ông T tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01, ngày 05/4/2011. Quan hệ hôn nhân của bà Y và ông T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến dẫn đến cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm đến gia đình, bỏ bê công việc. Hiện bà Y nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên có nguyện vọng ly hôn. Bà Y và ông T đã không còn chung sống từ tháng 4/2012 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà Y suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T, nhưng bà Y vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Y trình bày trong thời gian chung sống, bà và ông T không có con chung. Xét thấy, theo sổ hộ khẩu và trích lục khai sinh do bà Nguyễn Thị Y cung cấp thì bà Y có một người con tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 07/4/2013. Bà Yến cho rằng Nguyễn Minh S không phải là con chung của bà với ông Trần Quốc T. Tại biên bản ghi lời khai ông T ngày 20/5/2019 ông T cũng xác nhận cháu Nguyễn Minh S không phải là con chung của ông với bà Y. Do đó Hội đồng xét xử xác nhận bà Y và ông T không có con chung, không yêu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y trình bày tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y trình bày bà và ông T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y trình bày tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà Y đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0002941, ngày 15/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Y đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã L, huyện TĐ, ST
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh